NỘI DUNG HUẤN LUYỆN

PHẦN I

I. **Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;**

II. **Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động**: Chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động; kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc và phương pháp cải thiện
điều kiện lao động; chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh; nội quy an toàn, vệ sinh lao động, biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp;

III. **Kiến thức liên quan an toàn hóa chất:** Các yếu tố nguy hiểm, có hại và phương pháp phân tích, đánh giá, quản lý rủi ro liên quan đến côngviệc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động mà người được huấn luyện đang làm; quy trình làm việc an toàn, vệ sinh lao động; kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động liên quan đến công việc của người lao động

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- Hiến pháp năm 2013
- Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân
- Luật số bảo vệ môi trường
- Luật Hóa chất 2007
- Luật lao động 2019: hiệu lực từ ngày 01/01/2021
- Công ước ILO 155, 187 của Tổ chức lao động quốc tế;
- Luật BHXH: Sửa đổi 2014, hiệu lực 1/1/2016
- Luật công đoàn 2012: hiệu lực 1/1/2013
- Luật ATVSLĐ: hiệu lực 1/7/2016
- Luật Điện lực
- Luật Đầu tư và Luật doanh nghiệp 2014
- Luật Phòng cháy và Chữa cháy
- Bộ luật hình sự.

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- NĐ 39/2016/CP: Quy định công tác quản lý ATVSLĐ
- NĐ 44/2016/CP: Quy định huấn luyện ATLĐ-VSLĐ
- NĐ 140/2018/CP: Sửa đổi, bổ sung cho công tác huấn luyện ATVSLĐ
- NĐ 12/2022/CP: Quy định xử phạt vi phạm hành chính.
- *NĐ 145/2020/ND-CP:* Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động
- NĐ 113/2017/NĐ-CP: QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÓA CHẤT
- *NĐ 88/2020/NĐ-CP:* QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG VỀ BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP BẮT BUỘC
- *NĐ 58/2020/NĐ-CP:* QUY ĐỊNH MỨC ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC VÀO QUỸ BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- NĐ 14/2014/NĐ-CP: QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT ĐIỆN LỰC VỀ AN TOÀN ĐIỆN
- NĐ 51/2020/NĐ-CP: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 14/2014/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 02 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT ĐIỆN LỰC VỀ AN TOÀN ĐIỆN
- NĐ 44/2017/NĐ-CP: quy định mức đóng hàng tháng và phương thức đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
- NĐ 04/2023/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- NĐ 149/2016/NĐ-CP: *SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 177/2013/NĐ-CP*
- NĐ 127/2007/NĐ-CP: *QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT VỀ XÂY DỰNG, CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN; XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT; ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN VÀ LĨNH VỰC QUY CHUẨN KỸ THUẬT*

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- NĐ 78/2018/NĐ-CP: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 127/2007/NĐ-CP NGÀY 01/8/2007 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT
- NĐ 107/2016/NĐ-CP: QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP
- NĐ 154/2018/NĐ-CP: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ, KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH
- NĐ 74/2018/NĐ-CP: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 132/2008/NĐ-CP NGÀY 31/12/2008 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHẤT
  LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- TT 31/2018/TT-BLĐTBXH: Quy định chi tiết hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động
- *TT 04/2021/TT-BCT:* QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM CÁC CÔNG VIỆC TRONG HẦM LÒ
- TT 01/2021/TT-BLĐTBXH: QUY ĐỊNH DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CÓ KHẢ NĂNG GÂY MẤT AN TOÀN THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
- TT 42/2019/TT-BLĐTBXH: BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI THANG MÁY
- *TT 29/2021/TT-BLĐTBXH:* QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG
- TT 32/2017/TT-BCT: hướng dẫn Luật Hóa chất và Nghị định 113/2017/NĐ-CP
- TT 01/2021/TT-BLĐTBXH: Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (có hiệu lực từ 18/7/2021)
- TT 26/2018/TT-BLĐTBXH: Quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- *TT 18/2021/TT-BLĐTBXH:* QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM CÁC CÔNG VIỆC SẢN XUẤT CÓ TÍNH THỜI VỤ, CÔNG VIỆC GIA CÔNG THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG
- TT 05/2021/TT-BCT: QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ AN TOÀN ĐIỆN
- TT 24/2022/TT-BLĐTBXH: Quy định bồi dưỡng bằng hiện vật
- TT 25/2022/TT- BLĐTBXH: Quy định cấp phát PTBVCN
- TT 28/2021/TT- BLĐTBXH: Quy định bồi thường hoặc trợ cấp tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp
- TT 07/2016/TT- BLĐTBXH: Quy định đánh giá rủi ro
- TT 13/2020/TT-BLĐTBXH: Quy định điều tra, thống kê, khai báo tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp
- TT 06/2020/TT- BLĐTBXH: Quy định danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- TT 36/2019/TT- BLĐTBXH: Quy định danh mục máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn
- TT12/2021/TT-BLĐTBXH quy trình kiểm định thang máy;
- TT 08/2021/TT-BLĐTBXH Về QTKĐ KTAT hệ thống đường ống bằng KL dẫn khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan)
- TT 54/2016/TT- BLĐTBXH: Quy định về quy trình kiểm định thiết bị (có 30 quy trình kiểm định)
- TT 16/2017/TT- BLĐTBXH: Quy định chức năng đơn vị kiểm định thiết bị
- TT 10/2021/TT- BTNMT: Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường lao động
- TT 19/2016/ TT- BYT: Quy định về quản lý sức khỏe và bệnh nghề nghiệp
- *TT 27/2021/TT-BLĐTBXH:* HƯỚNG DẪN CHI TIẾT VỀ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH VÀ VIỆC TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG, SÁT HẠCH NGHIỆP VỤ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG, VIỆC MIỄN GIẢM CÁC NỘI DUNG HUẤN LUYỆN ĐÃ HỌC ĐỐI VỚI CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG; HƯỚNG DẪN CÁCH TÍNH TẦN SUẤT TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP THI HÀNH

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- TT 29/2021/TT-BYT: Hướng dẫn hoạt động đào tạo chuyên môn y tế lao động
- TT 245/2016/TT-BTC: *quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động*
- TT 110/2017/TT-BTC: *Sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động ban hành kèm theo Thông tư số 245/2016/TT-BTC*
- TT 41/2016/TT-BTC: *quy định giá tối thiểu đối với dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động*
- TT 26/2018/TT-BLĐTBXH: QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CÓ KHẢ NĂNG GÂY MẤT AN TOÀN THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
- TT 28/2012/TT-BKHCN: QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN, CÔNG BỐ HỢP QUY VÀ PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT
- TT 02/2017/TT-BKHCN: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- TCVN 6739 – 2015: MÔI CHẤT LẠNH - KÝ HIỆU VÀ PHÂN LOẠI ANTOÀN
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6396-21:2020 (EN 81-21:2018): Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy - Thang máy chở người và hang
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thang máy QCVN 02:2019/BLĐTBXH
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn lao động đối với thang máy gia đình QCVN 32:2018/BLĐTBXH
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6396-20:2017 (EN 81-20:2014) Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy - Thang máy chở người và hàng Phần 20: Thang máy chở người và thang máy chở người và hàng
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6396-50:2017 (EN 81-50:2014) Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy - Thang máy chở người và hàng Phần 50: Yêu cầu về thiết kế, tính toán, kiểm tra và thử nghiệm các bộ phận thang máy
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6396-21:2020 (EN 81-21:2018) Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy - Thang máy chở người và hàng - Phần 21: Thang máy mới chở người, thang máy mới chở người và hàng trong các tòa nhà đang sử dụng

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9358:2012 Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7550:2005 (ISO 4344:2004) Cáp thép dùng cho thang máy - Yêu cầu tối thiểu
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6904:2001 Thang máy - Phương pháp thử - Các yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6905:2001 Thang máy thủy lực - Phương pháp thử các yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động nồi hơi và bình chịu áp lực số hiệu QCVN:01-2008/BLĐTBXH
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6292:2013 Chai chứa khí - Chai chứa khí bằng thép hàn có thể nạp lại

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6294:2007 Chai chứa khí. Chai chứa khí bằng thép các bon hàn - Kiểm tra và thử định kỳ
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6295:1997 Chai chứa khí - Chai chứa khí không hàn - Tiêu chuẩn an toàn và đặc tính (dung tích từ 0,5 lít đến 150 lít, không giới hạn áp suất)
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6871:2007 Chai chứa khí - Chai chứa khí Axetylen hoà tan vận chuyển được - Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6156:1996 Bình chịu áp lực - Yêu cầu kỹ thuật an toàn về lắp đặt sử dụng, sửa chữa - Phương pháp thử
- QCVN 02:2019/BLĐTBXH thay thế: Thang máy điện (QCVN 02: 2011/BLĐTBXH); Thang máy thủy lực (QCVN 18: 2013/BLĐTBXH); Thang máy điện không buồng máy (QCVN 26: 2016/BLĐTBXH)
- QCVN 01-2008/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với nồi hơi và bình chịu áp lực
- QCVN 02: 2019/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thang máy

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- QCVN 03: 2011/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy hàn điện và công việc hàn điện
- QCVN 05: 2012/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn lao động trong khai thác và chế biến đá
- QCVN 06: 2012/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ an toàn công nghiệp
- QCVN 07: 2012/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thiết bị nâng
- QCVN 08: 2012/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về những thiết bị bảo vệ đường hô hấp - Bộ lọc bụi
- QCVN 09: 2012/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với dụng cụ điện cầm tay truyền động bằng động cơ
- QCVN 10: 2012/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với bộ lọc dùng trong mặt nạ và bán mặt nạ phòng độc

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- QCVN 11: 2012/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thang cuốn và băng tải chở người
- QCVN 12: 2013/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với sàn thao tác treo
- QCVN 13: 2013/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với Palăng điện
- QCVN 20: 2015/BLĐTBXH: Quy chuẩn KTQG về ATLĐ đối với sàn nâng dùng để nâng người
- QCVN 21: 2015/BLĐTBXH: Quy chuẩn KTQG về ATLĐ đối với hệ thống lạnh
- QCVN 22: 2015/BLĐTBXH: Quy chuẩn KTQG về ATLĐ đối với hệ thống đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại
- QCVN 23: 2014/BLĐTBXH: Quy chuẩn KTQG về ATLĐ đối với hệ thống chống rơi ngã cá nhân

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- QCVN 24: 2014/BLĐTBXH: Quy chuẩn KTQG về ATLĐ đối với găng tay bảo vệ cách điện
- QCVN 25: 2015/BLĐTBXH: Quy chuẩn KTQG về ATLĐ đối với xe nâng hàng sử dụng động cơ, có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên
- QCVN 27: 2016/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với phương tiện bảo vệ mắt cá nhân dùng trong công việc hàn
- QCVN 28: 2016/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với Bộ lọc tự đồng dùng trong mặt nạ hàn
- QCVN 29: 2016/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ATLĐ đối với Cần trục
- QCVN 30: 2016/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ATLĐ đối với Cầu trục, Cổng trục
- QCVN 31:2017/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ATLĐ đối với đường ống dẫn hơi nước và nước nóng
- QCVN 32:2018/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ATLĐ đối với thang máy gia đình
- QCVN 34:2018/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ATLĐ khi làm việc trong không gian hạn chế

I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- QCVN 35:2019/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máng trượt dùng trong các công trình vui chơi công cộng
- QCVN 36:2019/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động phương tiện bảo vệ cá nhân - giày ủng an toàn
- QCVN 37:2019/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa
- QCVN 02:2019/BLĐTBXH - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thang máy do Cục An toàn lao động biên soạn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Quy chuẩn ban hành thay thế 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:
- QCVN 02: 2011/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thang máy điện.
- QCVN 18: 2013/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thang máy thủy lực.
- QCVN 26: 2016/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thang máy không buồng máy.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

1. Chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động

- ✓ Tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng lao động, người lao động, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động; khuyến khích người sử dụng lao động, người lao động áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình lao động.
- ✓ Đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ về an toàn, vệ sinh lao động; hỗ trợ xây dựng phòng thí nghiệm, thử nghiệm đạt chuẩn quốc gia phục vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- ✓ Hỗ trợ phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong các ngành, lĩnh vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; khuyến khích các tổ chức xây dựng, công bố hoặc sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến, hiện đại về an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động.
- ✓ Hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.
- ✓ Phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện; xây dựng cơ chế đóng, hưởng linh hoạt nhằm phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục rủi ro cho người lao động.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

1. Chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động

a. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có quyền sau đây:

- ✓ Được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn, vệ sinh lao động; yêu cầu người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động, tại nơi làm việc;
- ✓ Được cung cấp thông tin đầy đủ về các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc và những biện pháp phòng, chống; được đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động;
- ✓ Được thực hiện chế độ bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; được người sử dụng lao động đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được hưởng đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được trả phí khám giám định thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động và được trả phí khám giám định trong trường hợp kết quả khám giám định đủ điều kiện để điều chỉnh tăng mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- ✓ Yêu cầu người sử dụng lao động bố trí công việc phù hợp sau khi điều trị ổn định do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- ✓ Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình nhưng phải báo ngay cho người quản lý trực tiếp để có phương án xử lý; chỉ tiếp tục làm việc khi người quản lý trực tiếp và người phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động đã khắc phục các nguy cơ để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;
- ✓ Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

1. Chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động

b. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có nghĩa vụ sau đây:

a)Chấp hành nội quy, quy trình và biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; tuân thủ các giao kết về an toàn, vệ sinh lao động trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể;

b) Sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp; các thiết bị bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

c)Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp; chủ động tham gia cấp cứu, khắc phục sự cố, tai nạn lao động theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

1. Chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người sử dụng lao động

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động

a. Người sử dụng lao động có quyền sau đây:

-Yêu cầu người lao động phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

- Khen thưởng người lao động chấp hành tốt và kỷ luật người lao động vi phạm trong việc thực hiện an toàn, vệ sinh lao động;

- Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

-Huy động người lao động tham gia ứng cứu khẩn cấp, khắc phục sự cố, tai nạn lao động.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

1. Chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người sử dụng lao động

b. Người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình cho người lao động và những người có liên quan; đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

-Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

-Không được buộc người lao động tiếp tục làm công việc hoặc trở lại nơi làm việc khi có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của người lao động;

- - Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, biện

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

1. Chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người sử dụng lao động

b. Người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây:

- Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật;

-Bố trí bộ phận hoặc người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động;

-Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng; thống kê, báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động; chấp hành quyết định của thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động;

- Lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

2. Kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc và phương pháp cải thiện điều kiện lao động:

a. kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm:



II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

2. kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc và phương pháp cải thiện điều kiện lao động:

b. Phương pháp cải thiện điều kiện lao động

Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy phạm, quy trình kỹ thuật an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh lao động cùng với quy phạm, quy trình kỹ thuật sản xuất

- Trong sản xuất, mọi công việc đều đòi hỏi phải tuân theo quy trình công nghệ, quy trình làm việc nhất định. Trong tổ chức sản xuất cũng đòi hỏi phải tuân theo những yêu cầu về kỹ thuật nhất định. Nói một cách khác là phải tuân theo quy phạm kỹ thuật thì mới bảo đảm sản xuất tốt. Muốn bảo đảm an toàn và sức khoẻ cho người lao động thì phải căn cứ vào quy trình sản xuất, vào kỹ thuật sản xuất, mà đề ra các biện pháp về kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động và các quy phạm, quy trình kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động thích hợp.
- Trong doanh nghiệp phải có đầy đủ các quy trình về kỹ thuật an toàn và thực hiện đúng các biện pháp làm việc an toàn. Các quy trình kỹ thuật an toàn phải được sửa đổi cho phù hợp mỗi khi thay đổi phương pháp công nghệ, cải tiến thiết bị.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật bảo hộ lao động

- Công tác bảo hộ lao động bao gồm nhiều nội dung về khoa học và kỹ thuật nên đòi hỏi nhiều đến công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật.
- Những vấn đề về vệ sinh lao động như: thông gió, chiếu sáng, hút bụi, giảm tiếng ồn, cải thiện môi trường làm việc,... đều là những nội dung của khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động đòi hỏi phải nghiên cứu công phu và sử dụng các biện pháp kỹ thuật phức tạp mới giải quyết được.
- Những vấn đề về kỹ thuật an toàn như: an toàn sử dụng điện, sử dụng các loại máy móc, thiết bị, sử dụng các loại hoá chất, các chất nổ, chất cháy, an toàn trong thi công xây dựng, trong sử dụng các thiết bị chịu áp lực, trong khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng... đều đòi hỏi phải đi sâu vào nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

2. kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc và phương pháp cải thiện điều kiện lao động:

b. Phương pháp cải thiện điều kiện lao động

Tổ chức nơi làm việc hợp lý đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động

- Nơi làm việc hợp lý là một khoảng không gian nhất định của diện tích sản xuất, được trang bị máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật liệu theo đúng yêu cầu các quy phạm, quy trình kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động để người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất và công tác của mình một cách thuận lợi và bảo đảm an toàn.

Thông tin tuyên truyền và huấn luyện về công tác bảo hộ lao động và tổ chức thực hiện tốt các chế độ về bảo hộ lao động

- Công tác thông tin, tuyên truyền, huấn luyện về bảo hộ lao động có mục đích truyền tải đến tất cả các đối tượng những thông tin, hiểu biết cần thiết, hướng dẫn cho họ những kỹ năng, nghiệp vụ, những kiến thức về khoa học kỹ thuật, về pháp luật để mọi đối tượng, đều phải biết chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, phòng tránh tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Việc nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền và huấn luyện về công tác bảo hộ lao động, việc áp dụng các phương pháp phương tiện có hiệu quả để tuyên truyền, huấn luyện về bảo hộ lao động, xây dựng một hệ thống chương trình giảng dạy, đề cương bài giảng về bảo hộ lao động phù hợp với từng đối tượng là yêu cầu bức thiết hiện nay.
- Cần đưa môn học bảo hộ lao động vào giảng dạy ở trong nhà trường nhất là các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, trường đào tạo cán bộ quản lý. Các cơ quan thông tin đại chúng cần tăng cường tuyên truyền giới thiệu các vấn đề về bảo hộ lao động để góp phần nâng cao hiểu biết và nhận thức về công tác này.
- Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng cán bộ chuyên trách về bảo hộ lao động ở cơ sở, nâng cao chất lượng đào tạo kỹ sư và cán bộ trên đại học về bảo hộ lao động trong các trường.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

2. kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc và phương pháp cải thiện điều kiện lao động:

b. Phương pháp cải thiện điều kiện lao động

Thực hiện tốt chế độ khai báo điều tra và thống kê báo cáo tai nạn lao động

- Tai nạn lao động là tai nạn xảy ra trong quá trình lao động hoặc có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ lao động, công tác do hậu quả của sự tác động đột ngột của các yếu tố nguy hiểm có hại, làm chết người hoặc làm tổn thương
  hoặc phá huỷ chức năng hoạt động bình thường của một bộ phận nào đó của cơ thể. Khi người lao động bị nhiễm độc đột ngột với sự xâm nhập vào cơ thể một lượng lớn các chất độc, có thể gây chết người ngay tức khắc hoặc huỷ hoại chức năng nào đó của cơ thể thì gọi là nhiễm độc cấp tính và cũng được coi là tai nạn lao động.
- Để nghiên cứu phân tích, tìm ra nguyên nhân của các tai nạn lao động, diễn biến của tình hình tai nạn lao động trong các địa phương, các ngành theo từng thời gian, trên cơ sở đó để đề ra các biện pháp đề phòng tai nạn lao động tái diễn và chiến lược phòng ngừa tai nạn lao động ở một ngành hoặc trên phạm vi cả nước thì tất cả các vụ tai nạn lao động xảy ra đều phải được khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo chính xác kịp thời.

Quản lý bệnh nghề nghiệp và chăm sóc sức khoẻ người lao động

- Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động tới người lao động. Bệnh xảy ra từ từ hoặc cấp tính. Một số bệnh nghề nghiệp không chữa khỏi và để lại di chứng. Bệnh nghề nghiệp có thể phòng tránh được. Từ khi tham gia lao động, con người cũng bắt đầu phải chịu ảnh hưởng tác hại của nghề nghiệp và do đó có thể bị bệnh nghề nghiệp.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

3. chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên:

An toàn, vệ sinh viên có nghĩa vụ sau đây:

- Đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn mọi người trong tổ, đội, phân xưởng chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn, vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng, đội trưởng, quản đốc chấp hành quy định về an toàn, vệ sinh lao động;
- Giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy an toàn, vệ sinh lao động, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động, những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc;
- Tham gia xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người lao động mới đến làm việc ở tổ;

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

3. Chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên:

An toàn, vệ sinh viên có nghĩa vụ sau đây:

- Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và khắc phục kịp thời những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc;
- Báo cáo tổ chức công đoàn hoặc thanh tra lao động khi phát hiện vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc hoặc trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đã kiến nghị với người sử dụng lao động mà không được khắc phục.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

3. Chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên:

An toàn, vệ sinh viên có quyền sau đây:

- Được cung cấp thông tin đầy đủ về biện pháp mà người sử dụng lao động tiến hành để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;
- Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên nhưng vẫn được trả lương cho thời gian thực hiện nhiệm vụ và được hưởng phụ cấp trách nhiệm.
- Mức phụ cấp trách nhiệm do người sử dụng lao động và Ban chấp hành công đoàn cơ sở thống nhất thỏa thuận và được ghi trong quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên;
- Yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, nếu thấy có nguy cơ trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động và chịu trách nhiệm về quyết định đó;
- Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

4. Văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh: Là kết quả tổng hợp của một số yếu tố sau:

- Những chuẩn mực, nhận thức và niềm tin của các cấp quản lý và người lao động;
- Quan điểm, thái độ của các cấp quản lý và người lao động;
- Các giá trị, những bài học, tấm gương;
- Các chính sách và thủ tục;
- Những ưu tiên, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của nhà quản lý;
- Áp lực của sản xuất và lợi nhuận trong mối tương tác với các yêu cầu về chất lượng;
- Những hành động hoặc sự thiếu hành động sửa chữa đối với các hành vi không an toàn;
- Huấn luyện và tạo động lực cho người lao động;
- Sự tham gia của người lao động hay sự ủng hộ cho các ý tưởng/kế hoạch.

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

5. Nội quy an toàn, vệ sinh lao động:

- Biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động



II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

5. Nội quy an toàn, vệ sinh lao động:

- Sử dụng thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân

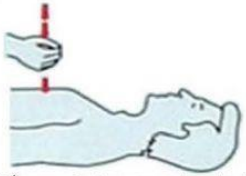


II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

6. Nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp

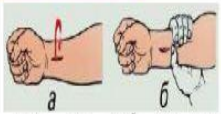
THAO TÁC SƠ CẤP CỨU KHI CÓ TAI NẠN LAO ĐỘNG

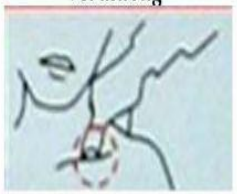
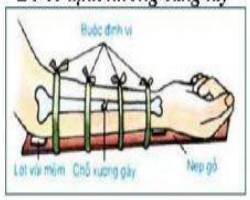
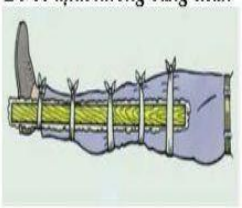
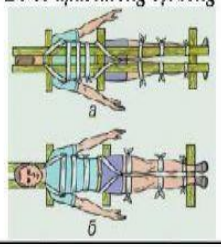
1. Kêu to để những người xung quanh biết và hỗ trợ
2. Xác định sơ bộ loại tai nạn để có biện pháp sơ cứu phù hợp kịp thời.
3. Gọi 115 cấp cứu chuyên nghiệp.
4. Báo Chỉ huy công trường và người phụ trách ATLĐ.

Thứ tự sơ cứu / Trường hợp sơ cứu	ĐỘNG TÁC I	ĐỘNG TÁC II	ĐỘNG TÁC III	ĐỘNG TÁC IV	ĐỘNG TÁC V	GHI CHÚ
NGẤT (CÒN THỞ - TIM CÒN ĐẬP)	*Để nạn nhân nằm ngửa* 	 *Đầu ngã ra phía sau để thông hô hấp*	 *Nới lỏng quần áo*	*Dùng khăn ướt lạnh lau mặt nạn nhân* 	 huyệt Nhân Trung *Ấn và xoáy mạnh vào điểm 1/3 trên nhân trung*	• Không tập trung đông người xung quanh nạn nhân; • Nếu 10 chưa tỉnh, mạch yếu gọi cấp cứu chuyên nghiệp đến;
NGƯNG THỞ (TIM CÒN ĐẬP – CÓ MẠCH CỔ)	 *Lấy vật lạ hoặc lau đàm dãi trong miệng nạn nhân (Đầu nghiêng)*	*Tay nâng cổ, tay ấn trán* 	*Bịt mũi thổi mạnh qua miệng nạn nhân 2 hơi dài liên tiếp* 	**12** *Thổi 12 lần/phút đến khi nạn nhân thở được*	 *Khẩn báo trung tâm cấp cứu gần nhất đến hỗ trợ*	• Để nạn nhân nằm chỗ thông thoáng; • Không tập trung đông người xung quanh nạn nhân.
NGỪNG TIM (NẠN NHÂN CÒN THỞ - KHÔNG CÓ MẠCH CỔ - CON NGƯỜI DÃN NỞ LỚN)	 *Đấm mạnh vào ngực, vùng tim 3 đấm*	*Nếu tim không đập lại đặt nạn nhân trên mặt phẳng cứng* 	*Dùng gót bàn tay phải đặt trực tiếp lên 1/3 dưới xương ức và gót bàn tay trái đặt lên mu bàn tay phải* 	 *Làm xương ức lún xuống 3-5 cm* *Hai cánh tay giữ thẳng, hai khuỷu tay cứng, dùng ½ sức ấn thẳng góc*	**60** • *Xoa bóp tim 60 lần/phút làm liên tục cho đến khi tim đập lại* • *Xoa bóp tim kết hợp với hà hơi thổi ngạt.* • *Thổi ngạt 3 lần liền, xoa bóp tim 5 lần.* • *Sau đó thổi 1 lần, xoa bóp 5 lần cứ như vậy cho đến khi tim đập trở lại.*	 *Khẩn báo trung tâm cấp cứu gần nhất đến hỗ trợ*

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

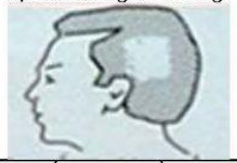
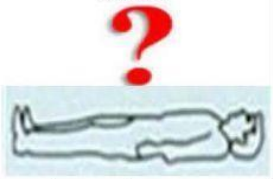
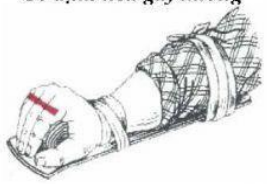
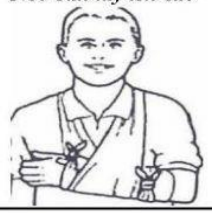
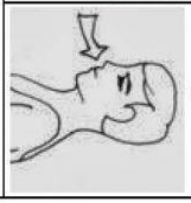
6. Nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp

<table>
<tr>
<td>ĐIỆN GIẬT</td>
<td>
Ngắt cầu dao điện</td>
<td>An toàn đưa nạn nhân ra khỏi dòng điện, dùng gậy gỗ, cây khô hoặc các vật liệu cách điện
</td>
<td>
Xử trí: ngừng tim, ngừng thở như phần trên</td>
<td colspan="3">KHẨN BÁO CƠ QUAN CẤP CỨU GẦN NHẤT
115
KIÊN TRÌ CẤP CỨU NGỪNG TIM NGỪNG THỞ
(TRONG KHI CHỜ ĐỢI)</td>
</tr>
<tr>
<td>VẾT THƯƠNG CHẢY MÁU</td>
<td>
• Máu chảy nhiều, thành tia: ấn chặn động mạch giữa tim và vết thương.

Máu chảy liên tục: dùng khăn sạch đè ép lên vết thương.</td>
<td>• Nạn nhân khỏe: tiến hành săn sóc vết thương.
• Nạn nhân mệt: cho nằm nâng vết thương cao hết tầm, tiến hành chăm sóc vết thương.
</td>
<td>SĂN SÓC VẾT THƯƠNG
• Nếu vết thương dơ: tiến hành rửa vết thương bằng nước sạch, sát khuẩn băng chặt lại.
• Vết thương sạch: sát khuẩn băng chặt lại.</td>
<td>Nếu vết thương động mạch còn chảy máu sau khi băng bó vết thương thì đặt garo (ghi lại thời gian đặt garo)
</td>
<td>Nếu vết thương không đặt garo được (nách, cổ) dùng ngón tay ấn chặn liên tục lên động mạch giữa tim và vết thương
</td>
<td>Chuyển nạn nhân đến bệnh viện gần nhất bằng phương pháp thích hợp.
</td>
</tr>
<tr>
<td>GÃY XƯƠNG</td>
<td>• Nạn nhân khỏe: bó cố định xương
• Nạn nhân mệt, mạch yếu, xanh xao: khẩn cấp gọi cấp cứu gần nhất.</td>
<td>Bó cố định xương cẳng tay
</td>
<td>Bó cố định xương cẳng chân
</td>
<td>Bó cố định xương đùi
</td>
<td>Bó cố định xương cột sống
</td>
<td>Giữ thăng bằng khi di chuyển và cẩn thận nhẹ nhàng.</td>
</tr>
</table>

II. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động

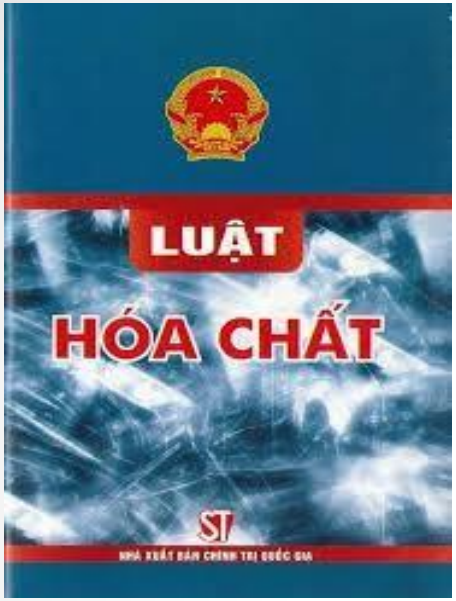
6. Nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp

VẾT THƯƠNG ĐẦU	 Để nạn nhân nằm nghiêng, mặt hơi ngước lên cho dễ thở và thoát đàm dãi	Tìm vết thương ở đầu, cắt tóc xung quanh vết thương, rửa sạch sát trùng vết thương 	Băng vết thương đầu 	Tìm các thương tích khác và xử trí 	Chuyển nạn nhân đến bệnh viện gần nhất bằng phương pháp thích hợp. 	• Không cho uống nếu nạn nhân hôn mê. • Cấm dùng morphine để giảm đau
VẾT THƯƠNG BÀN TAY BÀN CHÂN	Cắt bỏ đoạn vải vị trí bị thương.	Rửa vết thương bằng nước sạch, sát trùng vết thương 	Băng lại 	Cố định nếu gãy xương 	Neo bàn tay lên cao 	Nếu có phần ngón tay hay ngón chân bị đứt lìa cho vào túi nilon ướp đá. Chuyển ngay nạn nhân và túi nilon đến cơ sở y tế gần nhất.
BỎNG	 Dập tắt nguyên nhân gây bỏng. Gọi 114 nếu có hỏa hoạn	Kiểm tra nạn nhân khỏe hay yếu, thở dễ hay khó, vết bỏng nặng hay nhẹ	Không cởi bỏ quần áo những chỗ bị bỏng. Cho nước lạnh, nước đá sạch liên tục vào vết bỏng 	Nếu vết bỏng nặng, rộng thì dùng vải sạch quấn tránh dơ bẩn nhiễm trùng	- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất. - Nạn nhân bất tỉnh: khẩn báo cấp cứu **115**	• Không dùng bất kỳ dung dịch nào ngoài nước để rửa vết bỏng. • Không bôi bất kỳ chất gì lên vết bỏng
DI CHUYỂN NẠN NHÂN	 Gọi cấp cứu 115	- Nếu chuyển tự túc: chọn tư thế thích hợp: ✓ Nạn nhân hôn mê: đặt nằm nghiêng; ✓ Nạn nhân tỉnh: nằm yên ✓ Nạn nhân mất máu: nằm đầu thấp, chân cao; ✓ Nạn nhân gãy xương: nằm yên, giữ thăng bằng, tránh xê dịch.	**NHỮNG LƯU Ý KHI DI CHUYỂN NẠN NHÂN**  THỞ ĐƯỢC	 MẠCH BẮT ĐƯỢC	 ĐÃ BĂNG CẦM MÁU	 Đã cố định xương gãy

NỘI DUNG HUẤN LUYỆN

1. **Những quy định của Pháp luật trong hoạt động hóa chất**
2. **Các đặc tính nguy hiểm của hóa chất**
3. **Quy trình quản lý an toàn hóa chất**
4. **Các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng hóa chất**
5. **Giải pháp ngăn ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; phương án**

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ATLĐ, VSLĐ



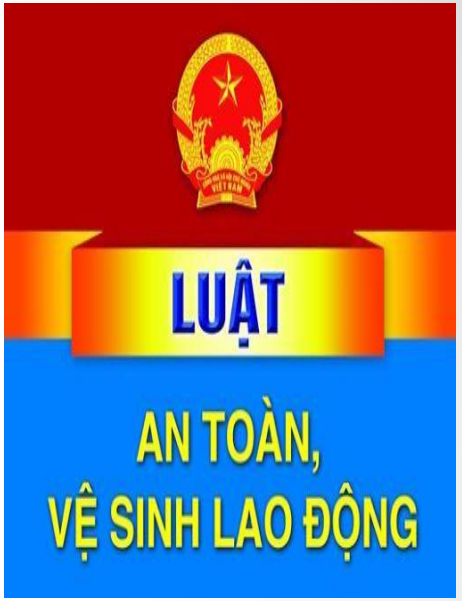
HIẾN PHÁP 2013

↓

Luật (Bộ luật)/Pháp lệnh

↓

Nghị định, Quyết định TTCP



- Chỉ thị của Bộ trưởng
- Quyết định của Bộ trưởng
- Thông tư, Thông tư liên tịch
- Quy chuẩn kỹ thuật

Những quy định của pháp luật trong hoạt động hóa chất

Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.



CHƯƠNG 1

KHÁI NIỆM HÓA CHẤT

1. ***Hóa chất:*** là đơn chất, hợp chất, hỗn hợp chất được con người khai thác hoặc tạo ra từ nguồn nguyên liệu tự nhiên, nguyên liệu nhân tạo.



HÓA CHẤT NGUY HIỂM

- a) Dễ nổ;
- b) Ôxy hóa mạnh;
- c) Ăn mòn mạnh;
- d) Dễ cháy;
- đ) Độc cấp tính;
- e) Độc mãn tính;
- g) Gây kích ứng với con người;
- **h) Gây ung thư hoặc có nguy cơ gây ung thư;**
- **i) Gây biến đổi gen;**
- **k) Độc đối với sinh sản;**
- **l) Tích luỹ sinh học;**
- **m) Ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ;**
- **n) Độc hại đến môi trường.**

3. Hóa chất độc :

Là hóa chất nguy hiểm

- **đ) Độc cấp tính;**
- **e) Độc mãn tính;**
- **g) Gây kích ứng với con người;**
- **h) Gây ung thư hoặc có nguy cơ gây ung thư;**
- **i) Gây biến đổi gen;**
- **k) Độc đối với sinh sản;**
- **l) Tích luỹ sinh học;**
- **m) Ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ;**
- **n) Độc hại đến môi trường.**

MỨC ĐỘ NGUY HIỂM

I.- NHÓM THỨ NHẤT: Các chất cực kỳ nguy hiểm

II.- NHÓM THỨ HAI: Các chất rất nguy hiểm

III.- NHÓM THỨ BA: Các chất nguy hiểm

IV.- NHÓM THỨ TƯ: Các chất ít nguy hiểm

KHÁI NIỆM HÓA CHẤT

BIỂU TƯỢNG CẢNH BÁO

NƠI LƯU TRỮ BẢO QUẢN





Khí ga độc hại



Khí ga dễ cháy



Nguy hiểm nổ



Các chất độc



Chất ăn mòn



Các chất và hàng nguy hiểm khác



Các chất khi gặp nước phát ra khí ga dễ cháy.



Các chất rắn dễ cháy



Các chất dễ tự bốc cháy



Chất dễ lây nhiễm



Chất phóng xạ



Các chất oxy hoá

KHÁI NIỆM HÓA CHẤT



1. Chất nổ
2. Chất khí nén, hóa lỏng hay hòa tan có áp
3. Các chất lỏng dễ cháy
4. Chất rắn dễ cháy, chất có khả năng tự bốc cháy và những chất khí
5. Những tác nhân oxy hóa và các peroxit hữu cơ
6. Chất độc và chất gây nhiễm bệnh
7. Những chất phóng xa
8. Những chất ăn mòn
9. Những chất nguy hại khác.

KHÁI NIỆM HÓA CHẤT

Hình đồ cảnh báo trong ghi nhãn hóa chất

Khung màu đỏ, nền màu trắng, hình vẽ bên trong màu đen.
Kích thước lớn hơn (2 cm x 2 cm) (đường chéo x đường chéo)

		
Ngọn lửa trên vòng tròn	Ngọn lửa	Nổ bom

- Chất oxy hóa

- Chất dễ cháy
- Chất tự phản ứng
- Chất tự cháy tự dẫn lửa
- Chất tự phát nhiệt
- Chất khí phản ứng có sinh khí dễ cháy
- Peroxit hữu cơ

- Chất có khả năng gây nổ
- Chất tự phản ứng
- Peroxit hữu cơ

KHÁI NIỆM HÓA CHẤT



		
Đầu lâu xương chéo	Ăn mòn	Bình khí

- Chất độc
- Chất ăn mòn
- Chất nén dưới áp lực

KHÁI NIỆM HÓA CHẤT

		
Nguy cơ sức khỏe	Nguy cơ môi trường	Dấu Chấm than

- Chất gây ung thư
- Chất nhạy hô hấp
- Độc tính sinh sản
- Độc đối với từng nhóm tổ chức
- Chất gây đột biến
- Chất độc hô hấp

- Chất độc với môi trường

- Chất kích thích
- Yếu tố nhạy da
- Sự kích ứng
- Độc cấp tính
- Ảnh hưởng của chất gây nghiện
- Hệ hô hấp

KHÁI NIỆM HÓA CHẤT

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Đối tượng

1. Các chất nổ
2. Các sol khí dễ cháy
3. Các khí nén dưới áp suất
4. Các chất lỏng dễ cháy
5. Các chất rắn dễ cháy
6. Các chất lỏng dưới áp suất
7. Các chất rắn dưới áp suất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Đối tượng

8. Các hỗn hợp, các chất tự phản ứng
9. Chất lỏng tự cháy
10. Chất rắn tự cháy.
11. Chất và hỗn hợp tự tỏa nhiệt:
12. Chất và hỗn hợp khi tiếp xúc với nước tạo ra khí dễ cháy:
13. Các chất lỏng ôxy hóa:
14. Các chất rắn ôxy hóa
15. Các peroxit hữu cơ:

CHƯƠNG 1

KHÁI NIỆM HÓA CHẤT

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Đối tượng

16. Các chất ăn mòn kim loại: các chất ăn mòn kim loại loại 1.
17. Độc tính cấp tính:
18. Ăn mòn da/kích ứng da:
19. Tổn thương nghiêm trọng tới mắt/ kích thích mắt:
20. Nhạy cảm hô hấp: nhạy cảm hô hấp loại 1.
21. Nhạy cảm da: nhạy cảm da loại 1.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Đối tượng

22. **Biến đổi tế bào gốc:**
23. **Tính gây ung thư:**
24. **Độc tính tới khả năng sinh sản:**
25. **Các ảnh hưởng theo đường tiết sữa**
26. **Độc tính tới các cơ quan đặc biệt của cơ thể tiếp xúc một lần:**
27. **Độc tính tới các cơ quan đặc biệt của cơ thể tiếp xúc lặp lại:**
28. **Độc tính hô hấp:**

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Đối tượng

29. Độc tính cấp tính đối với môi trường thủy sinh:

30. Độc tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh:

a) Độc tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh loại 1;

b) Độc tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh loại 2;

c) Độc tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh loại 3;

d) Độc tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh loại 4.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Hỗn hợp chất

Khi nào?

Đặc tính độc hại	Hàm lượng
Độc cấp tính	≥ 1.0%
Bỏng hoặc ăn mòn da	≥ 1.0 %
Có thể gây tổn thương nghiêm trọng đến niêm mạc	≥ 1.0%
Gây biến đổi ghen cấp I	≥ 0.1%
Gây ung thư	≥ 0.1%
Độc tính sinh sản	≥ 0.1%
Độc tính đối với bộ phận chức năng xác định (một lần phơi nhiễm)	≥ 1.0%
Độc tính đối với môi trường thuỷ sinh	≥ 1.0%

CHƯƠNG 1

KHÁI NIỆM HÓA CHẤT

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Nội dung

1. Nhận dạng
2. Nhận dạng độc tính
3. Thông tin/cấu tạo về thành phần
4. Các biện pháp sơ cứu
5. Các biện pháp cứu hỏa
6. Các biện pháp xử lý tai nạn
7. Hoạt động và lưu trữ
8. Các kiểm soát tiếp xúc/ bảo vệ con người
9. Đặc tính vật lý và hóa học
10. Độ ổn định và hoạt tính
11. Thông tin về độc sinh học
12. Thông tin sinh thái
13. Các cân nhắc xử lý
14. Thông tin vận chuyển
15. Thông tin về luật
16. Thông tin khác

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
AXÍT PHOTPHORIC 85%

Số CAS: 7664-38-2
Số UN: 1805
Số đăng ký EC: 231-633-2
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại: HMIS (U.S.A)
- Nguy hiểm đến sức khỏe : 3
- Nguy hiểm về cháy : 0
- Độ hoạt động : 0

Số đăng ký danh mục Quốc gia khác: chưa có thông tin

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Axít photphoric
- Tên thương mại: Axít photphoric
- Tên khác (không là tên khoa học): Orthophosphoric acid

Mã sản phẩm HCĐN-SP001

- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu: Công ty TNHH MTV Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam
Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận I, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Tên nhà sản xuất : Nhà máy Hóa Chất Đồng Nai
Địa chỉ: Đường số 1 , Khu Công nghiệp Biên Hoà I, Biên Hoà, Đồng Nai, Việt Nam
Tel:(84.61) 3836197
Fax: (84.61) 3836198
Email: dongnai@sochemvn.com

- Mục đích sử dụng: sản xuất sản phẩm gốc phốt phát, tinh luyện đường dầu ăn, nuôi cấy men …

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
1.Công ty TNHH một thành viên Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam
Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng , phường Bến Nghé, quận I, Tp.Hồ Chí Minh , Việt Nam.
Tel: (84.8)38223484, 38296620, 38225373
Fax: (84.8)38243166
Email: : sbcc@sochemvn.com
2. Nhà máy Hoá chất Đồng Nai
Địa chỉ: Đường số 1 , Khu Công nghiệp Biên Hoà 1, Biên Hoà, Đồng Nai, Việt Nam
Tel:(84.61) 3836197
Fax: (84.61) 3836198

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

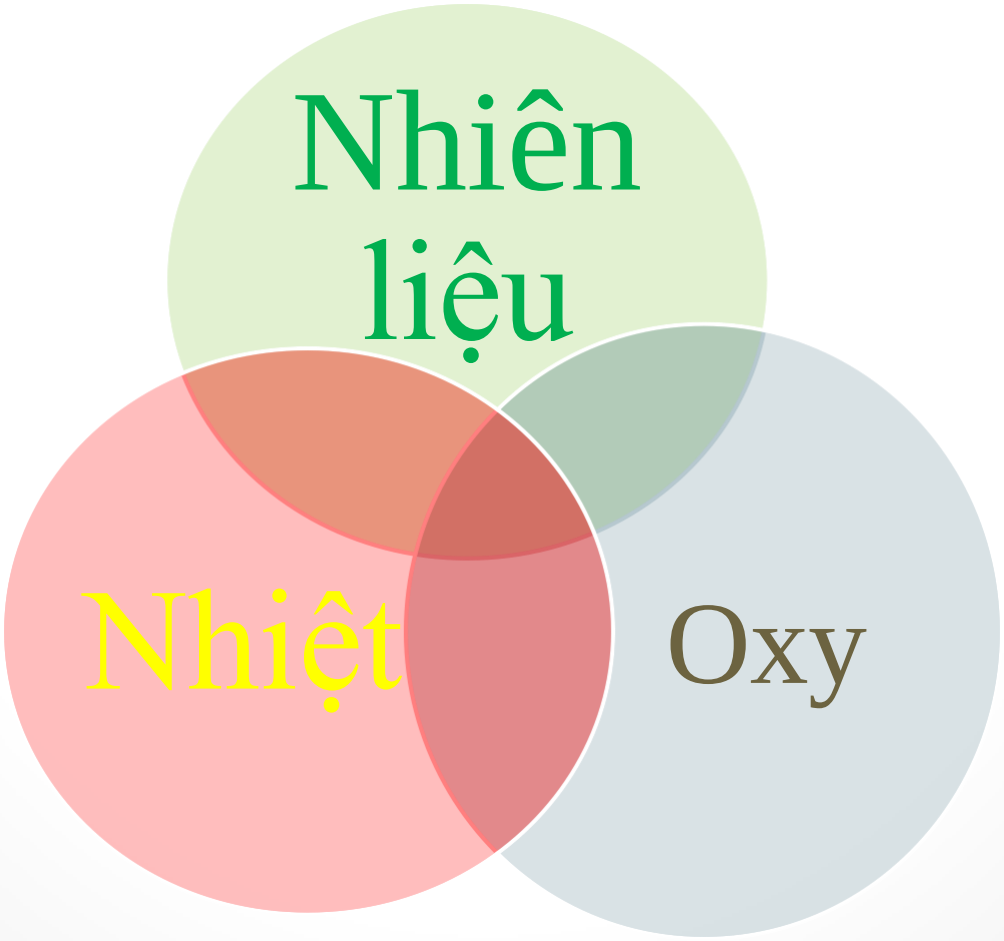
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Axít photphoric	7664-38-2	H_3PO_4	85
Nước	7732-18-5	H_2O	15

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: GHS:

Lớp nguy hiểm	Phân loại	Ký hiệu	Từ báo hiệu	Công bố nguy hiểm	Phân loại thích hợp
Độ độc cấp tính (bằng miệng)	Loại 4		Cảnh báo	Có hại nếu nuốt phải	Loại 4 dựa trên loài: chuột; Điểm cuối: LD50; Giá trị: 1530mg/kg, Nguồn tham khảo: RTECS (2006, IUCLID, 2000, HSDB, 2006), 1250mg/kg, Nguồn tham khảo: RTECS (2006)
Độ độc cấp tính (da)	Loại 5		Cảnh báo	Có thể có hại tiếp xúc với da	Nó đã được thiết lập như là loại 5 dựa trên giá trị LD50 thỏ: 2740mg/kg (RTECS2006, IUCLID2000, HSDB2006).

CHÁY – ĐIỀU KIỆN XẢY RA CHÁY?



BÌNH CHỮA CHÁY







CHẤT CHÁY

Chất rắn, gỗ, giấy vải...	Chất lỏng dễ cháy	Các chất khí dễ cháy	Thiết bị điện	Các loại dầu dầu mỡ, dầu hỏa
✓	✓	✗	✗	✓
✓	✓	✓	✓	✓
✗	✓	✗	✓	✓

- + A: Chữa các đám cháy chất rắn như: gỗ, bông, vải, sợi...
  + B: Chữa các đám cháy chất lỏng như: xăng dầu, cồn, rượu...
  + C: Chữa các đám cháy chất khí như: gas (khí đốt hoá lỏng),...



MT dùng để chỉ hóa chất chữa cháy được chứa trong bình là CO2

MF: Dòng bình chữa cháy bên trong có bình chứa khí đẩy CO2 riêng và thiết kế bình không có đồng hồ

MFZ: bình chữa cháy có khí đẩy N2 nạp trực tiếp vào bình chứa bột và thiết kế bình có đồng hồ.

ZYW: Bình chữa cháy tự động với cấu tạo có móc treo, ống bảo ôn đầu phun. Cấu tạo của bình chứa gồm bột và khí đẩy bằng kim loại chịu áp lực cao.

SỰ XÂM NHẬP

1. ĐƯỜNG HÔ HẤP

- Bụi rắn do mài, nghiền, chà
- Bụi lỏng do phun, xịt, bay hơi
- Bụi kim loại do hàn, làm nóng kim loại, làm lạnh nhanh kim loại

Hít khói xăng, khói bếp, hít bụi

Pha chế hóa chất

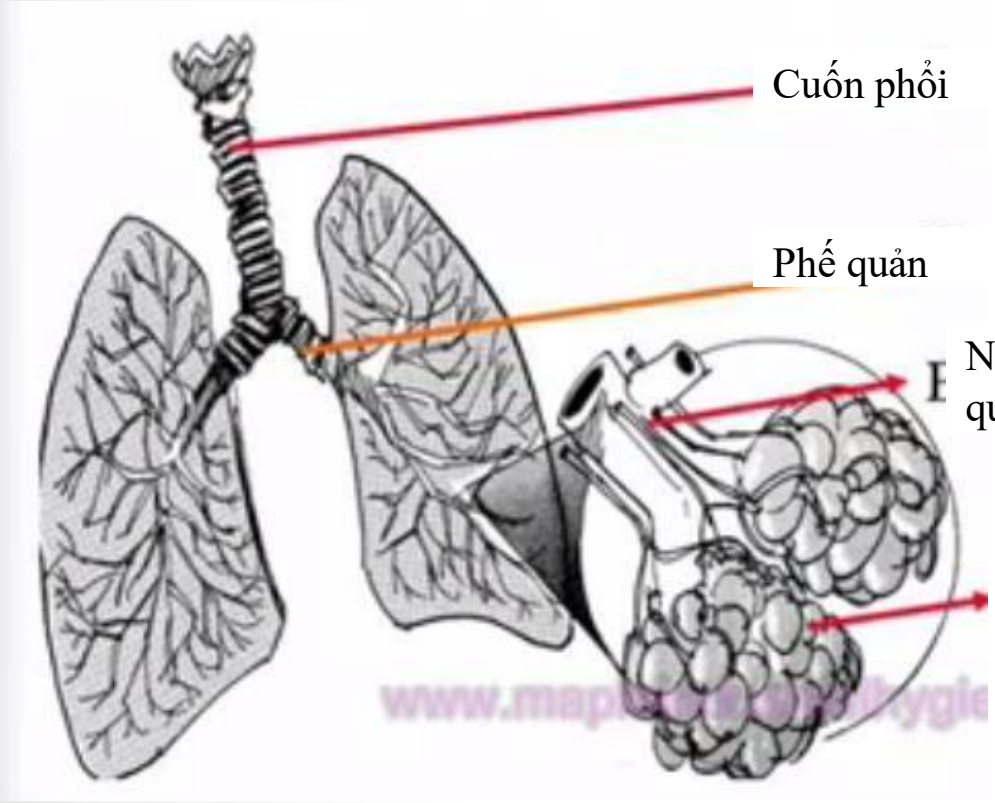
Quy trình công nghệ kém tiên tiến

Cố ý hít (heroin, thuốc lá)

Mang khẩu trang không đúng yêu cầu

1. Các HC có thể xâm nhập qua đường hô hấp? Các biện pháp an toàn đang áp dụng?

XÂM NHẬP QUA HÔ HẤP

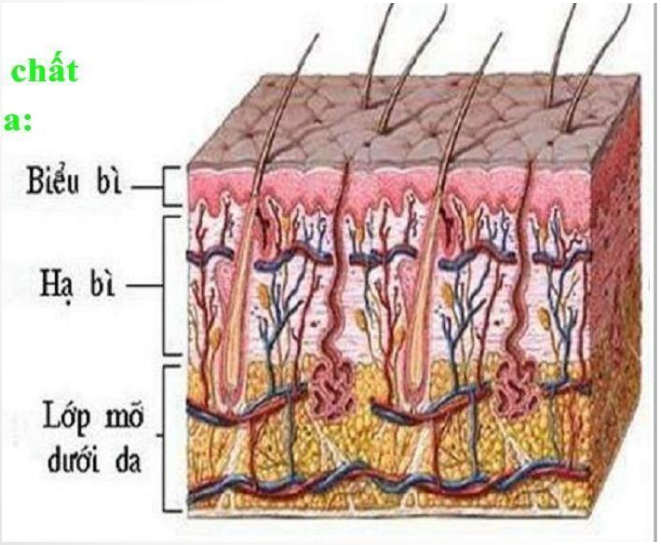


Micron
10
5-10
1-5
0,001-1

>5: Ho, khạc
1-5: bán giài/ 5g
<1: bó tay
0,001-5: Cần phải lọc

SỰ XÂM NHẬP

2. ĐƯỜNG DA



Dùng mỹ phẩm, tắm gội, bôi thuốc

Ngâm mình trong cống rãnh, ao hồ

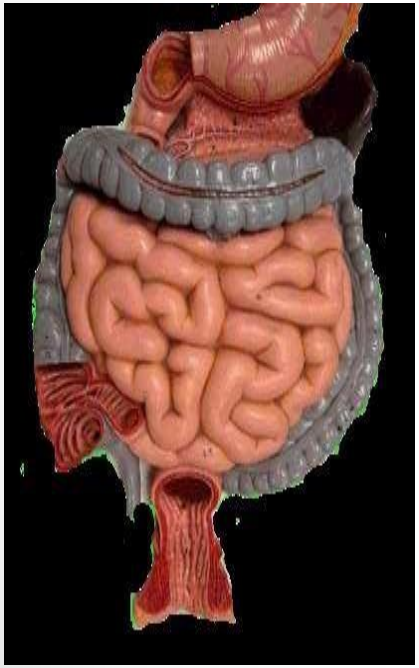
Không mang găng tay khi tiếp xúc với hóa chất

Hóa chất tràn, đổ, bắn lên người

Quần áo dính hóa chất

SỰ XÂM NHẬP

3. ĐƯỜNG TIÊU HÓA



Thực phẩm độc, nhiễm độc, nhiễm HC (ATTP)

Thiếu hiểu biết khi chế biến thực phẩm

Bị đầu độc

Tay dính hóa chất dính qua thực phẩm khi ăn

Ăn, uống nhầm hóa chất

1. Nêu các hoàn cảnh có thể dẫn đến ăn, uống nhầm hóa chất?

SỰ XÂM NHẬP

4. VẾT THƯƠNG HỞ





CHƯƠNG 3: TÁC HẠI CỦA HOÁ CHẤT ĐẾN SỨC KHOẺ CON NGƯỜI

SỰ XÂM NHẬP

TIÊU HÓA

DA

HÔ HẤP

VẾT THƯƠNG HỞ

CON ĐƯỜNG NÀO LÀ NGUY HIỂM NHẤT ?

CHƯƠNG 3: TÁC HẠI CỦA HOÁ CHẤT ĐẾN SỨC KHOẺ CON NGƯỜI

TÁC HẠI ĐỐI VỚI CƠ THỂ



1. KÍCH ỨNG

Làm cho phần cơ thể tiếp xúc hóa chất xấu đi, gây cảm giác khó chịu



Da	Mắt	Hô hấp
Khô, xù xì, xót (hầu hết các loại hóa chất)	Khó chịu, rát tạm thời hay gây thương tật. Thường là kiềm, axit, dung môi	Rát, khô cổ (ammoniac, fomandehit, sunfurơ, axit, kiềm), khó thở, phù phổi, (tiết dịch phổi), ho (NO_2, O_3, photgen, …)

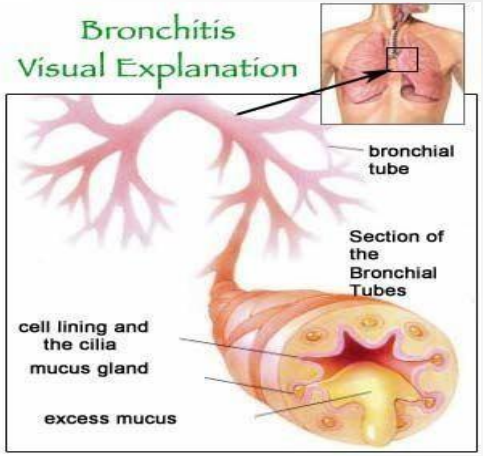
1. nhận biết một hóa chất gây kích thích tại nơi làm việc của bạn??

TÁC HẠI ĐỐI VỚI CƠ THỂ



2. DỊ ỨNG

Nổi mề đay, ngứa, mụn nước, mụn đỏ do tiếp xúc trực tiếp với HC,



Da

Xuất hiện nơi khác nơi tiếp xúc (nhựa epoxy, azo, dẫn xuất nhựa than đá, axit cromic)

Hô hấp

Ho nhiều về đêm, khó thở, khò khè (toluene , fomaldehit)

CHƯƠNG 3: TÁC HẠI CỦA HOÁCHẤT ĐẾN SỨC KHOẺ CON NGƯỜI

TÁC HẠI ĐỐI VỚI CƠ THỂ

3. BỎNG, ĂN MÒN	Kiềm, xút, dung môi
4. GÂY MÊ, GÂY TÊ	Ethanol, propanol, acetone, methyl-etycetone, acethylen, hydrocacbon, iso propyl-ete.. >> nghiện, tử vong.

5. GÂY NGẠT

Khi nào thì bị ngạt?

- Không đủ oxy để thở (<18%), (↑ các khí khác)
- CO_2 > 0.05%
- CO, SO_2, NO, NO_2, HCl, dung môi hữu cơ,

CHƯƠNG 3: TÁC HẠI CỦA HOÁ CHẤT ĐẾN SỨC KHOẺ CON NGƯỜI

TÁC HẠI ĐỐI VỚI CƠ THỂ

6. UNG THƯ

Xuất hiện sau 4-40 năm

Các bộ phận đều có thể bị ung thư trừ tóc, móng

- Liệt kê tất cả các bệnh ung thư bạn biết?

CHƯƠNG 3: TÁC HẠI CỦA HOÁ CHẤT ĐẾN SỨC KHOẺ CON NGƯỜI

TÁC HẠI ĐỐI VỚI CƠ THỂ

6. UNG THƯ



Asen, aminang, crom, nicken, bis-clometyl (BCME)

Ung thư xoan, mũi: bụi gỗ, bụi da, niken, crom, isopropyl, … Ung thư bàng quang:

benzidin, 2-napthylamin, bụi da

Ung thư da: asen, sản phẩm dầu mỏ, nhựa than
Ung thư gan: vinyl-clorua (monomer), hepatotoxins Ung thư tủy xương:
benzen

Tác hại một số hóa chất độc

19 HC có khả năng gây ung thư

TÁC HẠI ĐỐI VỚI CƠ THỂ

7. TÁC HẠI ĐẾN CÁC CƠ QUAN

Tổn thương gan: alcol, cacbon tetraclorua, tricloetylen, clorofom Suy giảm chức nang thận: ethylene glycol, CS_2, CCl_4, Cd, Pb,

nhựa thông, ethanol, toluene, xylene, …

Tổn thương hệ thần kinh: hecxane, mangan, (thần kinh ngoại vi: liệt cổ tay), photphat hữu cơ, CS_2 (tâm thần)

Hệ sinh dục: ethylene dibromua, khí gây mê, CS_2, clopren, benzene, Pb, dung môi hữu cơ, …làm giảm khả năng sinh sản nam giới. Thuốc gây mê thể khí, glutarandehit, clopren, Pb, dung môi hữu cơ, CS_2,vinyl clorua có thể gây sẩy thai

TÁC HẠI ĐỐI VỚI CƠ THỂ

8. HƯ THAI, QUÁI THAI, ĐỘT BIẾN GEN

Dị tật: Hg, khí gây mê, dung môi hữu cơ.

Ảnh hưởng đến thế hệ tương lai: 85% các chất gây ung thư tác động đến gen





9. BỆNH BỤI PHỔI

Bụi bám ở phế nang

Phản ứng của các mô với bụi

>> Giảm khả năng hấp thụ oxy: silic tinh thể, amiang và berrili

TÁC HẠI ĐỐI VỚI CƠ THỂ

1. Kích ứng
2. Dị ứng
3. Bỏng, ăn mòn
4. Tê, mê
5. Ngạt
6. Ung thư
7. Các cơ quan
8. Thai, gen
9. Bệnh bụi phổi
10. Hấp thụ qua da

CHƯƠNG 4: NGĂN NGỪA, XỬ LÝ SỰ CỐ

MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Trình bày được cách ngăn ngừa, xử lý sự cố hóa chất. Hiểu biết nguyên tắt ngăn ngừa, xử lý sự cố hóa chất

2. Tự đưa ra được các biện pháp phòng ngừa, xử lý sự cô hóa chất

3. Nâng cao ý thức phòng ngừa sự cố hóa chất và tuân thu nguyên tắc xử lý sự cô hóa chất

NGĂN NGỪA



Người lao động

1. Tuân thủ nội quy lao động
2. Tự giác tham gia các khóa học ATLĐ
3. Quan sát, phân tích, báo cáo cho cấp trên các nguy cơ không an toàn mà hóa chất là một yếu tố
4. Tham gia các hoạt động an toàn của công ty, hướng dẫn an toàn cho đồng nghiệp cũng là cho mình

1. Liệt kê các rủi ro do hóa chất tại nơi làm việc?
2. Liệt kê hoạt động không an toàn khi làm việc với HC mà bạn thấy

NGĂN NGỪA

1. Cháy nổ

- Tia lửa trần, tàn lửa
- Va chạm, ma sát
- Phản ứng hóa học
- Năng lượng điện

2. Nhầm lẫn khi dùng

- Nhãn hóa chất, không nhãn
- Bảng chỉ dẫn, cảnh báo,
- Tách biệt khu vực

NGĂN NGỪA

3. Gây ngạt	• Thông gió • Khẩu trang chuyên dùng
4. Gây phỏng	• Găng tay, kính, ủng, quần áo, ... • Ví dụ cụ thể 1 hóa chất tại công ty
5. Gây ngộ độc	• Thông gió, hút bụi, mặt nạ, dưỡng khí, • Nhãn, không để gần thực phẩm, nước uống • Không ăn uống trong khu vực hóa chất

NGĂN NGỪA

- Biện pháp kỹ thuật
- Biện pháp y học
- Biện pháp phòng hộ cá nhân
- Biện pháp dinh dưỡng
- Biện pháp hành chính-pháp luật

- **Thông gió, hút bụi, khí, che chắn, thay thế**
- **Dùng thuốc chống phơi nhiễm, giải độc**
- **Kính, khẩu trang, mạt nạ, áo, quần, ủng**
- **Khẩu phần, chế độ**
- **Nhận diện, dán nhãn, thông tin, huấn luyện, giáo dục**

XỬ LÝ SỰ CỐ

2. SƠ CỨU

MSDS
Phương tiện, thiết bị
Nhân viên sơ cứu

Huấn luyện
Diễn tập

Duy trì sự sống
Ngăn chặn diễn biến xấu hơn
Thúc đẩy sự hồi phục

PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

TCVN 5507/2002

SX, VC, SD, BQ HC nguy hiểm

MSDS

Phương tiện, thiết bị

Nhân viên chuyên trách

Huấn luyện

Diễn tập

BẢO QUẢN

TCVN

1. Yêu cầu chung: cơ sở vật chất, con người, huấn luyện
2. Theo nhóm dễ cháy, nổ
3. Theo nhóm ăn mòn
4. Theo nhóm độc hại

MSDS

1. Yêu cầu riêng cho một hóa chất

SỬ DỤNG

TCVN

MSDS

1. HC dễ cháy nổ, ăn mòn, độc
2. Vệ sinh
3. Thủ tục, quy trình tiêu hủy
4. Giám sát môi trường làm việc
5. Giám sát y tế
6. Lưu trữ hồ sơ
7. Đào tạo

Hướng dẫn cụ thể cho một hóa chất

VẬN CHUYỂN

TCVN 5507-2002

Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:

1. Thủ tục hành chánh
2. Người vận chuyển, áp tải, xếp dỡ
3. Phương tiện
4. Kỹ thuật xếp hang, bao bì
5. Tổ chức xử lý sự cố trong lúc vận chuyển

MSDS

Hướng dẫn cụ thể cho một hóa chất

QUẢN LÝ AN TOÀN HÓA CHẤT

TCVN, NĐ, TT

OHSAS, ISO, 5S

- Kiểm tra đảm bảo tất cả các hóa chất được chứa trong vật chứa thích hợp với nhãn hợp lệ và MSDS mới nhất.
- Cung cấp thông tin và hướng dẫn việc sử dụng, bảo quản an toàn hóa chất tới tất cả những NLĐ có liên quan.
- Hợp tác để thúc đẩy sự kiểm soát.
- Quản lý việc cung cấp, sử dụng và bảo quản PTBVCN;
- Định kỳ đánh giá và tập luyện những phương án khẩn cấp.
- Thiết lập và duy trì những quy trình giám sát sự tiếp xúc với hóa chất bao gồm cả sự kiểm tra về sức khỏe.
- Lập kế hoạch và triển khai các chương trình huấn luyện.

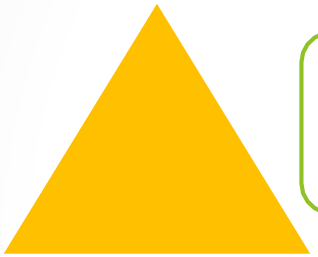
CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ AN TOÀN HC TẠI CƠ SỞ

QUẢN LÝ AN TOÀN HÓA CHẤT

Các tài liệu cần thiết lập

1. Danh sách tất cả các hóa chất đang sử dụng, phân loại theo độc hại và nguy hiểm và các MSDS tương ứng
2. Đánh giá rủi ro cho từng loại HC khi lưu kho, vận chuyển, sử dụng đưa ra các biện pháp kiểm soát phù hợp?
3. Viết quy trình chuẩn cho bảo quản, vận chuyển, sử dụng, cấp cứu cho từng HC, nhóm HC.

QUẢN LÝ AN TOÀN HÓA CHẤT



Các hoạt động cần thiết lập

1. Chỉ rõ cách đọc nhãn hóa chất?
2. Huấn luyện, kiểm tra, đánh giá cách làm việc theo các quy trình chuẩn của người lao động
3. Vệ sinh dụng cụ, thiết bị môi trường làm việc, cải tiến điều kiện làm việc
4. Các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về ATLĐ
5. Diễn tập các phương pháp ứng cứu sự cố hóa chất.☺

NHỮNG LƯU Ý

- Trang bị đầy đủ dụng cụ BHLĐ.
- Thực hiện đúng phương pháp sơ cứu nạn nhân.
- Chấp hành nghiêm ngặt hướng dẫn sử dụng hóa chất.
- Luôn ghi nhớ “ An Toàn Là Trên Hết”.